

*Huyện K, ngày 01 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn Vàng 2, xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Vàng 2, xã Cổ Bi, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Bá L.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Bá L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Bá L xác nhận anh chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung nên không xét.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị T và anh L xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072819 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả chị Lưu Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Cổ Bi, huyện K (theo GCNKH số 37/2018 ngày 20/09/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Như Trọng**